

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 266/2017/HNGĐ-ST

Ngày 16-11-2017

“V/v ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Du Thị Bội.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Vượng.

Ông Nguyễn Hoàng Kha.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 741/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 834/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Duy T, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Mai Bích N, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 308/2, đường C, khóm D, phường E, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Duy T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Mai Bích N sống chung vào năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ tháng 7 năm 2014 cho đến nay. Nay anh xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh T xác định không có.

Về tài sản chung: Anh T xác định không có.

Về nợ chung: Anh T xác định không có.

Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 08 tháng 11 năm 2017, bị đơn chị Mai Bích N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Duy T sống chung sống như vợ chồng vào năm 2014, được hai bên gia đình tổ chức cưới gã theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống không hạn phúc nên anh T đã bỏ đi từ năm 2014 cho đến nay và vợ chồng đã ly thân từ đó. Nay anh T yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị N xác định không có.

Về tài sản chung: Chị N xác định không có.

Về nợ chung: Chị N xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Mai Bích N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Duy T và chị Mai Bích N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, tuy có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn, vì vậy không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 và điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Duy T và chị Mai Bích N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Phạm Duy T và chị Mai Bích N xác định không có.

[4] Về tài sản chung: Anh Phạm Duy T và chị Mai Bích N xác định không có.

[5] Về nợ chung: Anh Phạm Duy T và chị Mai Bích N xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận anh Phạm Duy T và chị Mai Bích N là vợ chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Phạm Duy T phải chịu 300.000 đồng. Vào ngày 29/9/2017, anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 3705 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Du Thị Bội

Số: 188/2017/QĐ-SCBSBA

Cà Mau, ngày 29 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do có nhầm lẫn trong bản án số: 266/2017/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự về việc ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Duy T, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Chị Mai Bích N, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 308/2, đường C, khóm D, phường E, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 266/2017/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau như sau:

Tại dòng thứ 18 từ dưới đếm lên, trang 1 của bản án đã ghi: “*Nguyên đơn:* Anh Phạm Duy T, sinh năm 1985 (Có mặt)”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “*Nguyên đơn:* Anh Phạm Duy T, sinh năm 1984 (Có mặt)”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Cà Mau
- Chi cục thi hành án dân sự TP Cà Mau
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Du Thị Bội